TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:21a/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/9/2023
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa và bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị A sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/3/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị A trình bày: Sau thời gian tìm hiểu thì chị kết hôn với anh Triệu Văn B vào năm 2002, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 21/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y (Nay là xã H), huyện T, tỉnh C, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Hai vợ chồng chung sống nhưng không có tiếng nói chung, anh B thường xuyên uống rượu say và đánh đập chị, nhiều lần khoảng 01 đến 02 giờ đêm vẫn đánh đuổi chị và các con khiến chị và con phải chạy trốn ngay trong đêm. Mâu thuẫn của hai vợ chồng được Công an xã và xóm hòa giải nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Sau 10 năm chung sống chị quyết định sống ly thân từ năm 2011. Hiện nay chị xác định đã không còn tình cảm và không thể sống chung

với anh B được nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Triệu Văn B. Sau khi ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi con chung Triệu Thị U, sinh ngày 13/12/2006 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn đối với con chung Triệu Văn Đ đã trưởng thành và có thể tự lập nên chị không có yêu cầu gì. Trong thời kỳ hôn nhân giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023, bị đơn Triệu Văn B trình bày: Anh và chị A đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y (Nay là xã H), huyện T, tỉnh C. Được hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, vì cùng quê nên sau kết hôn anh chị bắt đầu cùng sống chung tại xóm L, xã H, huyện T, tỉnh C. Cuộc sống giữa hai người hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, năm 2013 chị A bỏ nhà đi không quay về thăm con cũng như gia đình hai bên. Từ đó anh một mình phải chăm sóc hai con chung, hiện nay chị A ở đâu và làm gì anh không biết, không có liên lạc về cũng không quan tâm gia đình, con cái. Anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn và chị bỏ đi là do chị có quan hệ ngoài hôn nhân bị phát hiện nên chị xấu hổ, trong lúc nóng nảy anh có tát chị vài cái. Nay anh xác định đã không còn tình cảm với chị A nhưng chị A làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí. Anh chị có hai con chung đều đang sống cùng anh, có sự giúp đỡ của bố mẹ của anh và em chú; nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Anh xác nhận thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh B có đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh B, dành quyền nuôi con chung Triệu Thị U và không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị A được ly hôn anh Triệu Văn B;

- Về con chung: Cháu Triệu Văn Đ, sinh ngày 28/02/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bố mẹ không cần phải thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Giao cháu Triệu Thị U, sinh ngày 13/12/2006 cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị A. Bên

không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Triệu Văn B có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh C. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng:* Do bận công việc nên bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Hoàng Thị A yêu cầu ly hôn anh Triệu Văn B, dành quyền nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị A và anh Triệu Văn B sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (Nay là xã H), huyện T, tỉnh C ngày 21/12/2002. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị A và anh B là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, có với nhau 02 con chung. Sau khi chung sống được chục năm thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy hai người đã không quan tâm nhau và ly thân từ năm 2011 đến nay. Chị A cho rằng, thời gian sống chung, anh B thường xuyên uống rượu say đánh đập đuổi vợ con ngay trong đêm, chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Tại biên bản lấy lời khai của anh B ngày 08/8/2023, anh Triệu Văn B cũng xác nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn, nhưng anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2023 về thực trạng mâu thuẫn gia đình của chị A và anh B tại xóm L cho kết quả: Trong quá trình chung sống tại địa phương anh chị có mâu thuẫn xảy ra, chị A bỏ nhà đi từ khi con còn nhỏ, chị rất ít khi về thăm gia đình và con cái. Hai con chung là Triệu Văn Đ và Triệu Thị U đều sinh sống cùng anh B từ nhỏ nên anh B đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị A và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 02 con chung tên là Triệu Văn Đ, sinh ngày 28/02/2003 và Triệu Thị U, sinh ngày 13/12/2006, cả hai con chung đều sinh sống cùng anh B từ nhỏ đến nay. Sau khi ly hôn, anh B đề nghị Tòa giải quyết cho anh được quyền nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung Triệu Văn Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bố mẹ không cần phải thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Giao cháu Triệu Thị U, sinh ngày 13/12/2006 cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị A và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Do hai bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là đúng quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí:* Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A được ly hôn với anh Triệu Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị U, sinh ngày 13/12/2006 cho anh Triệu Văn B chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế), không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị A.

Sau khi ly hôn, chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị A đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000508 ngày 31 tháng 3 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thu.

5. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nông Quốc Hùng

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Thành viên Hội đồng xét xử

Nông Quốc Hùng

…